

Số: 51 /2019/QĐST – DS.

N, ngày 15 tháng 10 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLST – DS ngày 06 tháng 9 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1971, ủy quyền cho anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1993 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019); Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975; Cùng trú tại: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về việc thanh toán nợ:

Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu tính lãi, thời điểm khởi kiện tính lãi 05 tháng, mức lãi 2,5%/tháng, nay tính lãi theo thời gian thực tế chậm trả và xin rút tính lại mức lãi là 20%/năm;

Đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Nh chấp nhận sự thay đổi, tính lại lãi của nguyên đơn; thừa nhận nợ bà Bùi Thị B số tiền nợ gốc 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng) trong việc mua bán cà phê. Ông H và bà Nh cam kết trả số tiền 82.000.000đ vào ngày 07/01/2020 và nhận trả lãi 20%/năm,

tính từ ngày nhận nợ 26/02/2019 đến ngày trả nợ 07/01/2020, số tiền lãi là 13.660.000đ (Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); tổng cả tiền nợ gốc và lãi là 95.660.000đ (Chín mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện nguyên đơn với đồng bị đơn: Nếu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Nh chậm trả tiền theo thỏa thuận trên thì phải trả lãi 20%/năm/số tiền nợ gốc chậm trả.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Nh phải nộp 2.391.000đ (*Hai triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Bà Bùi Thị B được nhận lại 2.300.000đ (*Hai triệu, ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000423 ngày 06/9/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

